



mín gē

民歌

Noun · folk song

Example Sentence

Zhè wèi gē shǒu shàn cháng yǎn chàng Zhōng guó gè dì de míng ē
这位歌手擅长演唱中国各地的民歌。

This singer is skilled at performing folk songs
from various regions of China.

Trace each character, then write the word on your own.

民	民	民	民	民	民	民	民				
歌	歌	歌	歌	歌	歌	歌	歌	歌	歌	歌	歌
歌	歌	歌	歌	歌	歌						